|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN  **TRƯỜNG TIỂU HỌC SÔNG KHOAI 1** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

*Sông Khoai, ngày 12 tháng 9 năm 2018*

**DỰ TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THU**

**NĂM HỌC 2018 - 2019**

Thực hiện công văn số 2292/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lạm thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2018 - 2019;

Trường tiểu học Sông Khoai 1 lập dự toán các khoản thu - chi của nhà trường trong năm học 2018 - 2019 với các nội dung như sau:

1. **Khoản thu theo quy định:**
2. **Bảo hiểm y tế:**

Thực hiện theo công văn số 2122/DH-LN ngày 22/8/2017 của liên ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Y tế, BHXH hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên và công văn số 155/BHXH-BPT ngày 23/8/2018 của BHXH thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2018-2019.

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 01/10 mức thu **656.775đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/10 đến 01/11 mức thu **612.990đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/11 đến 01/12 mức thu **569.205đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/12 mức thu **525.420đ/h/năm**

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **525.420đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 25/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**\* Đối với học sinh thuộc hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp:**

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 01/10 mức thu **187.650đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh đến 02/10 đến 01/11 mức thu **175.140đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/11 đến 01/12 mức thu **162.630đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/12 mức thu **150.120đ/hs/năm**

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **150.120đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 23/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**B**. **Khoản thu dịch vụ:**

**I. Tiền nước uống của cơ sở sản xuất nước uống tinh khiết Aquasirus**

Sĩ số học sinh năm học 2018 - 2019: 578 học sinh

1. Tổng số lượng nước tiêu thụ trong năm học 2017 - 2018: 24.320 lít/512 học sinh (học 7 buổi/tuần)
2. Dự kiến số lượng nước tiêu thụ năm học 2018 - 2019 như sau:

- Số lượng nước tiêu thụ của 01 học sinh uống trong 1 tháng:

0,305 lít/hs/ngày x 22 ngày/tháng = 6,71 lít/tháng/học sinh (học 8 buổi/tuần)

- Số lượng nước tiêu thụ trong năm học của cả trường:

6,71 lít/tháng/hs x 578 hs x 9 tháng = 34.905 lít

1. Số tiền trả cho bên cung cấp nước: 34.905 lít x 1.164 đ/lít 40.629.400 đồng
2. Tiền thuê người quản lý và vận chuyển nước:

400.000 đ/tháng x 9 tháng = 3.600.000 đồng

1. Tiền mua ca, cốc,…:

18 lớp x 130.000 đ/lớp = 2.484.000 đồng

1. Dư năm trước chuyển sang: 0đ

Cộng số tiền chi cho khoản thu nước uống toàn trường là: 46.713.400 đồng

Chia bình quân trên một học sinh: 46.713.400 đồng : 578 hs = 80.819 đ/hs

**Như vậy, định mức thu tiền nước uống 1 học sinh là: 81.000 đ/hs/năm học**

Phương án thu: Thu một lần vào đầu năm học

**II. Nguyên tắc thu - chi**:

- Đảm bảo nguyên tắc thu đủ chi, đảm bảo công khai.

- Thực hiện hạch toán thu chi theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

- Nếu có sự biến động tăng giảm số lượng học sinh tham gia các khoản thu theo thỏa thuận, nhà trường cùng với Ban đại diện CMHS sẽ có sự điều chỉnh phù hợp bằng văn bản và thống nhất công khai tới toàn thể hội CMHS toàn trường.

**III.Tổ chức thực hiện:**

- Mỗi năm học nhà trường có trách nhiệm quyết toán công khai các khoản thu trước cha mẹ học sinh vào cuộc họp phụ huynh học sinh các lớp cuối năm học.

- Dự toán được thông qua Hội đồng nhà trường, Hội cha mẹ học sinh toàn trường trình với UBND xã Sông Khoai và Phòng Giáo dục thị xã Quảng Yên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **HIỆU TRƯỞNG** |

**Phạm Minh Lượng**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT QUẢNG YÊN  **TRƯỜNG TH SÔNG KHOAI 1**  **–––––––––––––––––––––––** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**  **––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––** |

**BIÊN BẢN**

**Về việc niêm yết công khai các khoản thu năm học 2018 - 2019**

–––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––––

**Thời gian:** V*ào hồi 9 giờ ngày 25 tháng 9 năm 2018*

*Tại văn phòng trường Tiểu học Sông Khoai 1*

Thành phần gồm:

1. Phạm Minh Lượng - Hiệu trưởng

2. Hoàng Thị Phượng - Phó hiệu trưởng, CT Công đoàn

3. Phạm Thị Nguyệt - Thanh tra nhân dân

4. Nguyễn Thị Quảng Trang - Tổ trưởng CM 1-2-3

5. Nguyễn Hữu Dũng - Tổ trưởng CM 4-5

6. Nguyễn Thị Thái Thủy - Thư ký HĐGD

7. Nguyễn Thị Bích Thủy - Kế toán

8. Ông Trần Văn Đạo: - Trưởng ban ĐDCMHS

Cùng tiến hành họp thông qua hội đồng để lấy ý kiến thống nhất công khai niêm yết các khoản thu trong năm học 2018 - 2019 nh­ư sau:

**Nôi dung:**

1. Đồng chí Phạm Minh Lượng chủ tọa thông qua Thông báo kết quả thẩm địnhkế hoạch các khoản thu năm học 2018 - 2019.

2. Sau khi họp bàn và đi đến thống nhất, trường Tiểu học Sông Khoai 1 tổ chức tiến hành công khai biên bản bằng hình thức niêm yết tại bảng tin của nhà trường, trên trang điện tử và văn phòng nhà trường (kèm theo báo cáo chi tiết).

Thời gian niêm yết: Bắt đầu từ ngày 25 tháng 9 năm 2018, sẽ kết thúc việc niêm yết vào ngày 25 tháng 10 năm 2018.

Việc niêm yết được thực hiện liên tục theo đúng thời gian quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 10h00’ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN**  **BAN CHẤP HÀNH CÔNG ĐOÀN**  **Hoàng Thị Phượng** | **HIỆU TRƯỞNG THƯ KÝ**  **Phạm Minh Lượng Nguyễn Thị Thái Thủy** |

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN HỌP**

**V/v bầu ra Ban đại diện cha mẹ học sinh trường**

**Năm học 2018 - 2019**

Hôm nay, vào hồi 13 giờ 30 phút ngày 22 tháng 9 năm 2018

Thành phần gồm:

1. Ông: Phạm Minh Lượng - Hiệu trưởng
2. Bà: Hoàng Thị Phượng - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Phạm Thị Nguyệt  **-** Thanh tra nhân dân
4. Bà:Nguyễn ThịQuảng Trang - TTCM tổ 1-2-3
5. Ông: Nguyễn Hữu Dũng - TTCM tổ 4-5
6. Bà: Nguyễn Thị Bích Thủy - Kế toán
7. Bà: Nguyễn Thị Thái Thủy - Thư ký hội đồng

Cùng 18 hội trưởng đại diện cho 18 lớp năm học 2018 - 2019.

NỘI DUNG

**Phần 1:** Tiến hành bầu ra ban đại diện cha mẹ học sinh trường năm học 2018 - 2019 với kết quả như sau:

1. Ông: Trần Văn Đạo - Hội trưởng ban đại diện CMHS
2. Ông: Dương Văn Thìn - Hội phó ban đại diện CMHS
3. Bà: Nguyễn Thị Linh - Ủy viên
4. Ông: Đinh Tiến Thành - Ủy viên
5. Bà: Nguyễn Văn Thủy - Ủy viên

**Phần II:** Ông Trần Văn Đạo có trách nhiệm xây dựng quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường.

Cuộc họp kết thúc hồi 14 giờ 30 phút cùng ngày; 25/25 đồng chí (với 100%) nhất trí tán thành và thống nhất với nội dung ghi trong biên bản.

**ĐẠI DIỆN HỘI PH HS ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG THƯ KÝ**

**Trần Văn Đạo Phạm Minh Lượng Nguyễn Thị Thái Thủy**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**V/v thống nhất giữa nhà trường và phụ huynh về các khoản thu**

**Năm học 2018 - 2019**

Hôm nay, vào hồi 15 giờ 00 phút ngày 22 tháng 9 năm 2018

Địa điểm: Tại phòng họp hội đồng trường tiểu học Sông Khoai 1

Thành phần gồm:

1. Ông: Phạm Minh Lượng - Hiệu trưởng
2. Bà: Hoàng Thị Phượng - Phó hiệu trưởng, Chủ tịch công đoàn
3. Bà: Phạm Thị Nguyệt - Thanh tra nhân dân
4. Bà: Nguyễn Thị Quảng Trang - TTCM tổ 1-2-3
5. Ông: Nguyễn Hữu Dũng - TTCM tổ 4-5
6. Bà: Nguyễn Thị Bích Thủy - Kế toán
7. Bà: Nguyễn Thị Thái Thủy. - Thư ký hội đồng

Cùng 18 hội trưởng đại diện cho 18 lớp năm học 2018 - 2019.

NỘI DUNG

**Phần I:** Ban đại diện cha mẹ học sinh thông qua quy chế hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh năm học 2018 - 2019.

**Phần II:** Đồng chí Phạm Minh Lượng chủ tọa triển khai cuộc họp về việc thống nhất giữa nhà trường và phụ huynh về các khoản thu năm học 2018 - 2019 như sau:

- Thông qua công văn số 2292/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lam thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2018 - 2019;

- Thông qua dự toán thu chi các khoản thu - chi ngoài ngân sách năm học 2018-2019 của nhà trường sau khi đã được phụ huynh toàn trường nhất trí tại cuộc họp phụ huynh lớp ngày 22/9/2018

**I. Đối các khoản thu theo quy định:**

Thực hiện theo công văn số 2122/DH-LN ngày 22/8/2017 của liên ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Y tế, BHXH hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên và công văn số 155/BHXH-BPT ngày 23/8/2018 của BHXH thị xã Quảng Yên vveef việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2018-2019.

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 01/10 mức thu **656.775đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/10 đến 01/11 mức thu **612.990đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/11 đến 01/12 mức thu **569.205đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/12 mức thu **525.420đ/h/năm**

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **525.420đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 25/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**\* Đối với học sinh thuộc hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp:**

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 01/10 mức thu **187.650đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh đến 02/10 đến 01/11 mức thu **175.140đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/11 đến 01/12 mức thu **162.630đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 02/12 mức thu **150.120đ/hs/năm**

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **150.120đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 23/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**II. Các khoản thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh:**

**I. Tiền nước uống của cơ sở sản xuất nước uống tinh khiết Aquasirus**

Sĩ số học sinh năm học 2018 - 2019: 578 học sinh

1. Tổng số lượng nước tiêu thụ trong năm học 2017 - 2018: 24.320 lít/512 học sinh
2. Dự kiến số lượng nước tiêu thụ năm học 2018 - 2019 như sau:

- Số lượng nước tiêu thụ của 01 học sinh uống trong 1 tháng:

0,305 lít/hs/ngày x 22 ngày/tháng = 6,71 lít/tháng/học sinh

- Số lượng nước tiêu thụ trong năm học của cả trường:

6,71 lít/tháng/hs x 578 hs x 9 tháng = 34.905 lít

1. Số tiền trả cho bên cung cấp nước: 34.905 lít x 1.164 đ/lít 40.629.400 đồng
2. Tiền thuê người quản lý và vận chuyển nước:

400.000 đ/tháng x 9 tháng = 3.600.000 đồng

1. Tiền mua ca, cốc,…:

18 lớp x 130.000 đ/lớp = 2.484.000 đồng

1. Dư năm trước chuyển sang: 0đ

Cộng số tiền chi cho khoản thu nước uống toàn trường là: 46.713.400 đồng

Chia bình quân trên một học sinh: 46.713.400 đồng : 578 hs = 80.819 đ/hs

**Như vậy, định mức thu tiền nước uống 1 học sinh là: 81.000 đ/hs/năm học**

Phương án thu: Thu một lần vào đầu năm học

**4. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI PHỤ HUYNH:**

Ông (bà): Trần Văn Đạo - Trưởng ban ĐDCMHS phát biểu: Thứ nhất tôi hoàn toàn nhất trí với dự toán thu chi ngày 12/9/2018 do thầy hiệu trưởng vừa triển khai ở trên. Thứ hai, để phục vụ một số hoạt động cho con em mình như tham gia các cuội thi, giao lưu năng khiếu các môn học do ngành giáo dục tổ chức, tổ chức ngày trung thu, thăm hỏi đám hiếu PH học sinh qua đời, khen thưởng các con có thành tích học tập tốt, động viên các con có hoàn cảnh khó khăn và một số hoạt động khác, tôi xin đề nghị với BGH nhà trường, Ban đại diện CMHS trường hình thành quỹ phụ huynh trường được trích từ quỹ phụ huynh các lớp với. Phần thu quỹ hoạt động của hội được các lớp trích lại 50% cho ban đại diện hội cha mẹ học sinh nhà trường theo hình thức tự nguyện ủng hộ cho hội cha mẹ học sinh nhà trường quản lý chi tiêu có sự giám sát của nhà trường. thực hiện theo quy định tại điều 10 của Điều lệ Ban đại diện CMHS (Ban hành kèm theo Thông tư 55/2011/TT-BGD ngày 22/11/2011 của Bô trưởng bộ GD&ĐT) và chi theo quy chế hội cha mẹ học sinh năm học 2018 - 2019.

Các nội dung trên đều được thống nhất giữa Ban giám hiệu và phụ huynh toàn trường trên tinh thần thỏa thuận tự nguyện về mức thu, nội dung chi với nguyên tắc thu đủ bù chi. Các khoản thu trên đều được nhà trường quản lý theo dõi, công khai và báo cáo trên hệ thống sổ sách kế toán của nhà trường dưới sự giam sát của Hội phụ huynh học sinh.

* Kết luận của chủ tọa:

1. Bảo hiểm y tế năm 2019: **525.420đ/hs/năm** và học sinh thuộc đối tương hộ nông, lân, ngư, diêm nghiệp là **150.120đ/hs/năm**  (riêng năm 2018 đối với học sinh lớp 1 sẽ thu theo ngày tháng sinh của học sinh để tính mức thu)

2. Thu tiền nước uống: 81.000đ/hs/năm học

1. Kế hoạch nhỏ: Triển khai thu gom phế liệu

4. Đối với quỹ hoạt động của Hội cha mẹ học sinh trường: Được trích 50% từ quỹ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

Cuộc họp kết thúc hồi 16 giờ 0 phút cùng ngày; 25/25 đồng chí (với 100%) nhất trí tán thành và thống nhất với nội dung ghi trong biên bản.

**ĐẠI DIỆN HỘI PH HS ĐẠI DIỆN NHÀ TRƯỜNG THƯ KÝ**

**Trần Văn Đạo Phạm Minh Lượng Nguyễn Thị Thái Thủy**

céng hßa x· héi chñ nghÜa viÖt nam

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**b¸o c¸o c«ng khai kÕ HO¹CH THU, CHI**

**N¡M HäC 2018 - 2019**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Thưc Thực hiện công văn số 2292/SGDĐT-KHTC ngày 05/9/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ninh về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu, chấn chỉnh tình trạng lam thu trong cơ sở giáo dục từ năm học 2018 - 2019;

Thực hiện theo công văn số 2122/DH-LN ngày 22/8/2017 của liên ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Y tế, BHXH hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên;

Thực hiện công văn số 155/BHXH-BPT ngày 23/8/2018 của BHXH thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2018-2019.

Thực hiện theo thông báo số 614/TB-PGDĐT ngày 24/9/2018 của Phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Quảng Yên về kết quả thẩm định kế hoạch các khoản thu năm học 2018 - 2019;

Trường tiểu học Sông Khoai 1 lập bác cáo các khoản thu - chi các khoản thu trong năm học 2018 - 2019 với các nội dung như sau:

**I. Các khoản thu theo quy định:**

Bảo hiểm y tế: Thực hiện theo công văn số 2122/DH-LN ngày 22/8/2017 của liên ngành: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Y tế, BHXH hướng dẫn thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên và công văn số 155/BHXH-BPT ngày 23/8/2018 của BHXH thị xã Quảng Yên về việc triển khai thực hiện BHYT học sinh năm học 2018-2019.

Trường tiểu học Sông Khoai 1 lập bác cáo kế hoạch các khoản thu - chi trong năm học 2018 - 2019

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 31/10 mức thu **656.775đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh đến 15/11 mức thu **612.990đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 16/11 đến 31/12 mức thu **569.205đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **525.420đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 25/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**\* Đối với học sinh thuộc hộ nông, lâm, ngư, diêm nghiệp:**

- Đối với học sinh lớp 1 có ngày sinh đến 31/10 mức thu **187.650đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh đến 15/11 mức thu **175.140đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 1 sinh từ 16/11 đến 31/12 mức thu **162.630đ/hs**;

- Đối với học sinh lớp 2,3,4,5 mức thu **150.120đ/hs/năm**; thời điểm thu đợt 1: Hạn nộp 25/9/2018; đợt 2: Hạn nộp 05/12/2018 nộp về BHXH thị xã Quảng Yên.

**II. Các khoản thu theo thỏa thuận giữa nhà trường và cha mẹ học sinh:**

**1. Thu tiền nước uống:** Mức thu: 81.000đ/hs/năm học, thời điểm thu từ 24/9/2018

**- Dự kiến thu, chi:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Số TT** | **Nội dung** | **Số tiền** | **Ghi chú** |
| **I** | **TỔNG KẾ HOẠCH THU + DƯ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG** | **46.818.000đ** |  |
| **1** | **DƯ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG** |  |  |
| **2** | **KẾ HOẠCH THU TRONG NĂM HỌC (578HS X 81.000đ/HS/năm học)** | **46.818.000đ** |  |
| **II** | **DỰ KIẾN CHI TRONG NĂM HỌC** | **46.818.000đ** |  |
| 1 | Thanh toán công vận chuyển, phục vụ nước tới các phòng học từ 01/9/2018 đến tháng 5/2019 | 3.600.000đ |  |
| 2 | Thanh toán tiền nước với cơ sở sản xuất nước uống tinh khiết Aquasirus | 40.629.400đ |  |
| 3 | Chi mua dụng cụ phục vụ HS uống nước | 2.588.600đ |  |

**II. Kinh phí hoạt động của hội cha mẹ học sinh:**

Được thực hiện theo quy định trong khoản 1, Điều 10 của Điều lệ Ban đại diện CMHS tại Thông tư 55/2011/BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Kinh phí của Ban ĐDCMHS trường được trích từ kinh phí hoạt động của Ban ĐDCMHS các lớp và được dự kiến chi như sau:

**1. Chi thưởng cho học sinh**

**\* Học sinh đạt thành tích trong học tập và rèn luyện**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| ***1*** | ***Thưởng danh hiệu tập thể các lớp*** |  |
| a | Lớp xuất sắc tiêu biểu: | 300.000 đ/lớp |
| b | Lớp xuất sắc: | 250.000 đ/lớp |
| c | Lớp tiên tiến: | 200.000 đ /lớp |
| ***2*** | ***Thưởng cá nhân HS:*** |  |
| a | HS có thành tích Xuất sắc trong học tập và rèn luyện | 10 quyển vở/em |
| b | HS có thành tích nổi bật về môn học | 6 quyển vở/em |
| c | Thưởng HS hoàn cảnh khó khăn vượt khó trong học tập | 4 quyển vở/em |

**\* Thưởng cá nhân HS đạt giải các kì thi giao lưu, các cuộc thi thể dục thể thao...**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| 1 | - HS đạt giải cấp trường: | Giải Nhất: 50.000 đ/em ( 7 quyển vở)  Giải Nhì: 42.000 đ/em ( 6 quyển vở)  Giải Ba: 35.000 đ/em ( 5 quyển vở)  Giải KK: 28.000 đ/em ( 4 quyển vở) |
| 2 | - HS đạt giải cấp thị xã: | Giải Nhất: 150.000đ/em  Giải Nhì: 120.000đ/em  Giải Ba: 100.000đ/em  Giải KK: 70.000đ/em |
| 3 | - HSG cấp tỉnh: | Giải Nhất: 250.000đ/em  Giải Nhì: 220.000đ/em  Giải Ba: 200.000đ/em  Giải KK: 150.000đ/em |
| 4 | - HSG cấp quốc gia | Huy chương vàng: 500.000đ/em  Huy chương Bạc: 400.000đ/em  Huy chương Đồng: 300.000đ/em |
| 5 | Thưởng học sinh gương người tốt, việc tốt, thưởng đột xuất. | - Tùy theo gương người tốt việc tốt, mức thưởng bằng hiện vật đồ dùng học tập từ 20.000 đồng đến 200.000 đồng. |

**\* Thưởng cho tập thể lớp ( đội thi) đạt giải các cuộc thi về hoạt động ngoại khóa**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Mức thưởng** |
| 1 | Cuộc thi tuyên truyền, giáo dục về An toàn giao thông, tìm hiểu lịch sử Việt Nam.  ( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 1 giải Nhì; 1 giải Ba và giải thưởng dành cho khán giả) | **\* Giải đồng đội**  Giải Nhất: 500.000 đồng  Giải Nhì  400.000 đồng  Giải Ba: 300.000đồng  Giải KK  200.000đồng  \* Giải cá nhận:  Giải Nhất: 150.000 đồng  Giải Nhì  100.000 đồng  Giải Ba: 80.000đồng  Giải KK  50.000đồng |
| 2 | Cuộc thi Hội khỏe Phù Đổng cấp trường  ( Cơ cấu: 1 giải Nhất; 1 giải Nhì; 2 giải Ba; 1 giải KK) |
| 3 | Cuộc thi Kế truyện Bác Hồ  ( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 1 giải Nhì; 1 giải Ba) |
|  | Hoạt động ngoại khóa tổ chức ngày 26-3 về các trò chơi dân gian  ( Cơ cấu: 01 giải Nhất; 2 giải Nhì; 2 giải Ba; 2 giải KK) |
| 4 | Thi văn nghệ chào mừng ngày 20.11  (Cơ cấu: 01 giải đặc biệt; 03 giải A; 03 giải B; 3 giải C) | **\* Giải đồng đội**  Giải Nhất: 500.000 đồng  Giải Nhì  400.000 đồng  Giải Ba: 300.000đồng  Giải KK  200.000đồng  \* Giải cá nhận:  Giải Nhất: 150.000 đồng  Giải Nhì  100.000 đồng  Giải Ba: 80.000đồng  Giải KK  50.000đồng |
| 5 | Thưởng cho học sinh sân chơi tìm hiểu về Ngày Tìm hiểu về ngày Quốc phòng toàn dân; Tìm hiểu ngày Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; chiến thắng Điện Biên Phủ; tìm hiểu về Bác Hồ nhân dịp sinh nhật Bác.. | - Thưởng đồ dùng học tập từ 20.000 đến 50.000đ/em/đợt. |
| 6 | Chi hoạt động ngày tổ chức trung thu | Giải Nhất: 150.000 đồng  Giải Nhì  100.000 đồng  Giải Ba: 80.000đồng  Giải KK  50.000đồng |

**\* Tặng quà học sinh nghèo, học sinh con chế độ chính sách**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| 1 | - Tặng quà khai giảng  - Tặng quà Tết Trung thu  - Tặng quà Tết Nguyên Đán | - Tặng quà từ 100.000đ/hs |

**2. Chi cho hoạt động của Ban đại diện CMHS:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung chi** | **Số tiền** |
| 1 | Thăm, viếng HS, thân nhân HS. | - Thăm HS ốm nặng bệnh hiểm nghèo: 200.000đ/em  -Viếng 1 vòng hoa và 300.000đ |
| 2 | Tặng lẵng hoa nhà trường các ngày lễ trong năm ( Khai giảng; Hội nghị CBVC; 20/10; 20/11; 8/3; sơ kết; tổng kết năm học) | - 500.000 đ/đợt |
| 3 | In ấn phục vụ các cuộc họp phụ huynh HS, văn bản gửi CMHS toàn trường trong năm | Chi theo thực tế, tiết kiệm chi |

Sông Khoai, ngày 25 tháng 09 năm 2018

**Người lập HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Bích Thủy Phạm Minh Lượng**

**Biểu mẫu 07**

**PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO THỊ XÃ QUẢNG YÊN**

**TRƯỜNG TIỂU HỌC SÔNG KHOAI 1**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2018 – 2019**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Số lượng** | **Bình quân** |
| **I** | **Số phòng học/số lớp** | 12/18 | Số m2/học sinh |
| **II** | **Loại phòng học** |  | 573m2/578 |
| 1 | Phòng học kiên cố | 7 |  |
| 2 | Phòng học bán kiên cố | 5 |  |
| 3 | Phòng học tạm |  |  |
| 4 | Phòng học nhờ, mượn |  |  |
| **III** | **Số điểm trường lẻ** |  |  |
| **IV** | **Tổng diện tích đất**(m2) | 8.232,9 m2 |  |
| **V** | **Diện tích sân chơi, bãi tập**(m2) | 2.425 m2 |  |
| **VI** | **Tổng diện tích các phòng** |  |  |
| 1 | Diện tích phòng học (m2) | 563 m2 |  |
| 2 | Diện tích thư viện (m2) | 41m2 |  |
| 3 | *Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m2)* |  |  |
| 4 | *Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m2)* |  |  |
| 5 | *Diện tích phòng ngoại ngữ (m2)* |  |  |
| 6 | *Diện tích phòng học tin học (m2)* | 49 m2 |  |
| 7 | *Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m2)* |  |  |
| 8 | *Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m2)* |  |  |
| 9 | *Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m2)* | 21 m2 |  |
| **VII** | **Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu**(Đơn vị tính: bộ) |  | Số bộ/lớp |
| 1 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quyđịnh |  |  |
| 1.1 | Khối lớp 1 | 25 | 5 bộ/lớp |
| 1.2 | Khối lớp 2 | 32 | 8 bộ/ lớp |
| 1.3 | Khối lớp 3 | 36 | 12 bộ/lớp |
| 1.4 | Khối lớp 4 | 27 | 9 bộ/lớp |
| 1.5 | Khối lớp 5 | 24 | 8 bộ/lớp |
| 2 | Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định |  |  |
| 2.1 | Khối lớp 1 | 5 |  |
| 2.2 | Khối lớp 2 | 5 |  |
| 2.3 | Khối lớp 3 | 5 |  |
| 2.4 | Khối lớp 4 | 5 |  |
| 2.5 | Khối lớp 5 |  |  |
| **VIII** | **Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập**(Đơn vị tính: bộ) | 17 | Số học sinh/bộ |
| **IX** | **Tổng số thiết bị dùng chung khác** |  | Số thiết bị/lớp |
| 1 | Ti vi | 1 |  |
| 2 | Cát xét | 2 |  |
| 3 | Đầu Video/đầu đĩa | 1 |  |
| 4 | Máy chiếu OverHead/projector/vật thể | 2 |  |
| 5 | Thiết bị máy chiếu tại phòng học | 10 |  |
| 6 | ….. |  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Số lượng(m2) |
| **X** | **Nhà bếp** |  |
| **XI** | **Nhà ăn** |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nội dung | Số lượng phòng, tổng diện tích (m2) | Số chỗ | Diện tích bình quân/chỗ |
| **XII** | **Phòng nghỉ cho học sinh bán trú** |  |  |  |
| **XIII** | **Khu nội trú** |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **XIV** | **Nhà vệ sinh** | Dùng cho giáo viên | Dùng cho học sinh | | Số m2/học sinh | |
|  | Chung | Nam/Nữ | Chung | Nam/Nữ |
| 1 | Đạt chuẩn vệ sinh\* | x |  | x |  | 42,5 m2/578 |
| 2 | Chưa đạt chuẩn vệ sinh\* |  |  |  |  |  |

*(\*Theo Thông tư số*[*41/2010/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=41/2010/TT-BGD%C4%90T&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số*[*27/2011/TT-BYT*](https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=27/2011/TT-BYT&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1)*ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Có | Không |
| **XV** | **Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh** | x |  |
| **XVI** | **Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)** | x |  |
| **XVII** | **Kết nối internet** | x |  |
| **XVIII** | **Trang thông tin điện tử (website) của trường** | x |  |
| **XIX** | **Tường rào xây** | x |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | Sông Khoai, ngày  25 tháng 9 năm 2018 Thủ trưởng đơn vị (Ký tên và đóng dấu)  **Phạm Minh Lượng** |